

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày: 24-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

2. Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/6/2024 và 24/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2023/TLST-DS ngày 02/11/2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐ XXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên Đ: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn K, xã B, huyện TS, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T1, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn K, xã B, huyện TS, Bình Định.

- Bị Đ: Chị Phan Thị Mỹ Đ, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn K, xã B, huyện TS, Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị B, sinh năm 1971; ông Phan T2, sinh năm 1968- (Vắng mặt).

+ Chị Phan Thị Mỹ Đ1, sinh năm 2001 (Vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Phan Huy T, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: thôn K, xã B, huyện TS, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản), bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà với bà Phan Thị Mỹ Đ là chỗ thân quen. Bà Đ đề nghị bà cùng góp vốn để làm chung (nhận gia công hàng may mặc) cùng chia lợi

nhuận (thỏa thuận miệng, không lập văn bản). Bà đồng ý và trong thời gian từ ngày 10/02/2022 đến ngày 25/5/2023 bà đã nhiều lần chuyển tiền cho bà Đ với tổng số tiền là 1.280.000.000đ.

Sau khi tìm hiểu thì bà biết bà Đ không hề thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh nào mà sử dụng tiền của bà vào mục đích cá nhân. Sau đó bà yêu cầu chấm dứt việc làm ăn chung và rút vốn về nhưng bà Đ viện nhiều lý do không trả tiền cho bà. Ngày 26/5/2023, bà đã gặp bà Đ, ông Nguyễn Phan Huy T (chồng bà Đ, biết rõ khoản nợ trên), bà Trần Thị B, ông Phan T2 (cha mẹ bà Đ), chị Phan Thị Mỹ Đ1 (em gái bà Đ) làm giấy xác nhận nợ. Bên bà Đ, ông T ký xác nhận nợ bà 1.280.000.000đ; bà Trần Thị B, ông Phan Thay (cha mẹ bà Đ), chị Phan Thị Mỹ Đ1 (em gái bà Đ) ký vào bên bảo lãnh. Thỏa thuận bên bà Đ, ông T trả nợ dần cho bà trong 04 lần: Ngày 15/6/2023 trả 50.000.000đ; ngày 15/7/2023 trả 800.000.000đ; tháng 12/2023 trả 230.000.000đ; tháng 3/2024 trả 200.000.000đ.

Tuy đã cho bà Đ, ông T thời gian nhưng bên bà Đ cố ý trốn tránh không trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị Mỹ Đ, ông Nguyễn Phan Huy T, bà Trần Thị B, ông Phan T2 (cha mẹ bà Đ), chị Phan Thị Mỹ Đ1 (em gái bà Đ) phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho bà khoản nợ 1.280.000.000đ về khoản góp vốn làm ăn năm 2022-2023 chưa thanh toán.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Phan Thị Mỹ Đ trình bày: Thống nhất như bà C đã trình bày về mối quan hệ, các giao dịch dân sự, thời gian chót nợ, viết giấy nợ, số tiền nợ. Do có nhu cầu kinh doanh, buôn bán nên bà có rủ bà C góp vốn kinh doanh. Bà C đồng ý và nhiều lần chuyển tiền cho bà để đầu tư kinh doanh, đến ngày 26/5/2023 bà C đã chuyển cho bà tổng số tiền 1.280.000.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên bà và chồng là Nguyễn Phan Huy T cùng cha mẹ là Phan T2, Trần Thị B, em gái là Phan Thị Mỹ Đ1 cùng ký vào Giấy xác nhận nợ ngày 26/5/2023. Có thỏa thuận thời gian trả nợ. Bà xác nhận có nhận số tiền 1.280.000.000đ từ bà C và hẹn trả dần hàng tháng với mức 50.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 9/2023 (ngày 15 hàng tháng trả). Nếu bà không trả được thì chồng là Nguyễn Phan Huy T cùng cha mẹ là Phan T2, Trần Thị B, em gái là Phan Thị Mỹ Đ1 có nghĩa vụ trả nợ thay bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị B, chị Phan Thị Mỹ Đ trình bày: Bà Đ làm nghề kinh doanh, bán quần áo trên mạng; đều không biết gì về giao dịch giữa bà C và bà Đ. Ngày 26/5/2023 khi bà C đến nhà đòi bà Đ trả nợ số tiền 1.280.000.000đ thì mẹ con bà mới biết sự việc. Mẹ con bà cũng ký vào Giấy xác nhận nợ nói trên, thống nhất theo phương án trả nợ trong Giấy của Đ (mỗi tháng trả 50.000.000đ, bắt đầu từ tháng 9/2023 (ngày 15 hàng tháng trả) cho đến khi trả nợ xong). Trường hợp chị Đ không trả được nợ thì bà B, ông T2 và chị Đ1 có nghĩa vụ trả nợ thay. Tuy bà B, chị Đ1 không có nhận tiền của bà C, chỉ có chị Đ nhận tiền bà C nhưng bà B, chị Đ1 cũng đồng ý chấp nhận trả nợ thay cho chị Đ nếu chị Đ không trả được nợ.

Anh Nguyễn Phan Huy T, ông Phan Thay được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không trình bày lời khai và yêu cầu trong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đa phần là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nhưng còn có vài vi phạm; nguyên Đ chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015; bị Đ chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 280, 504, 510 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C: Buộc vợ chồng bà Phan Thị Mỹ Đ, ông Nguyễn Phan Huy T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền: 1.280.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) về khoản nợ trong việc góp vốn làm ăn năm 2022 - 2023 chưa thanh toán. Về tiền lãi: Miễn xét vì bà C không yêu cầu. Bác yêu cầu bà Nguyễn Thị C đòi buộc bà Trần Thị B, ông Phan T2 (cha mẹ bà Đ), chị Phan Thị Mỹ Đ1 (em gái bà Đ) phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả khoản nợ 1.280.000.000đ nói trên vì không phù hợp với quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị Đ là bà Phan Thị Mỹ Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị B, ông Phan Thay, chị Phan Thị Mỹ Đ1, ông Nguyễn Phan Huy T - đều vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà Phan Thị Mỹ Đ phải trả cho bà số tiền 1.280.000.000đ về khoản góp vốn làm ăn, sau đó thỏa thuận rút vốn bà Đ đã chấp nhận, ký giấy xác nhận nợ nhưng bà Đ không trả tiền. Như vậy, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, Điều 504 BLDS cần xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn là bà Phan Thị Mỹ Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị B, ông Phan T2, chị Phan Thị Mỹ Đ1 đều thừa nhận: Bà C với bà Đ là chỗ quen biết, có góp vốn làm ăn với nhau. Từ ngày 10/02/2022 - 25/5/2023, bà C nhiều lần chuyển tiền cho bà Đ, tổng cộng là 1.280.000.000đ. Nhưng sau đó, do làm ăn không có lợi nhuận như mong muốn nên bà C yêu cầu rút vốn về. Bên bà Đ thừa nhận nợ, bà Trần Thị B, ông Phan T2, chị Phan Thị Mỹ Đ1, ông Nguyễn Phan Huy T đứng ra làm người bảo lãnh, đồng thời ký vào giấy xác nhận nợ ngày 26/5/2023.

Đây là tình tiết mà các đương sự đều thừa nhận, không phải chứng minh, căn cứ quy định tại Điều 92 BLTTDS HĐXX công nhận. Áp dụng quy định tại Điều 504 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định đây là giao dịch hợp đồng hợp tác.

[4] Việc bà Nguyễn Thị C và bà Phan Thị Mỹ Đ góp vốn làm ăn (chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản), sau đó do làm ăn không đạt lợi nhuận, bà C

yêu cầu rút vốn, bà Đ cũng đồng ý là phù hợp với quy định tại Điều 510 BLDS. Hai bên lập văn bản xác nhận nợ số tiền 1.280.000.000đ, thỏa thuận thời gian bà Đ phải trả nợ cho bà C (giấy xác nhận nợ ngày 26/5/2023). Nhưng khi đến hạn, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận. Bà C đã nhiều lần đòi nhưng bà Đ không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 280, 510 Bộ luật dân sự. Nên HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên Đ, cần buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền: 1.280.000.000.000đ về khoản nợ năm 2022 chưa thanh toán

Ông Nguyễn Phan Huy T là chồng bà Phan Thị Mỹ Đ, cũng đồng ký tên vào Giấy xác nhận nợ ngày 27/5/2023. Hơn nữa, việc bà Đ chung vốn làm ăn với bà C ông T cũng biết, bà Đ làm ăn thu lợi nhuận để phục vụ cho sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình. Do đó, căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ trả khoản nợ nói trên cho bà C.

[5] Đối với việc: bà Trần Thị B, ông Phan T2 (cha mẹ bà Đ), chị Phan Thị Mỹ Đ1 (em gái bà Đ) cùng ký tên vào bên bảo lãnh cho khoản nợ nói trên (Giấy xác nhận nợ ngày 26/5/2023). Nhưng vợ chồng ông T2, bà B, chị Đ1 không thỏa thuận với bà C về việc góp vốn làm ăn, không sử dụng khoản tiền 1.280.000.000đ nói trên, nên không có nghĩa vụ phải trả nợ. Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà C về việc buộc bà Trần Thị B, ông Phan Thay (cha mẹ bà Đ), chị Phan Thị Mỹ Đ1 (em gái bà Đ) phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Đ trong trường hợp bà Đ không trả nợ vì không phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về tiền lãi: Bà C không yêu cầu tính lãi nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì:

- Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003360 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

- Bà Phan Thị Mỹ Đ, ông Nguyễn Phan Huy T phải chịu án phí với số tiền là: $36.000.000đ + 480.000.000 \times 3\% = 50.400.000đ$.

[8] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 504, 510 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C:

- Buộc vợ chồng bà Phan Thị Mỹ Đ, ông Nguyễn Phan Huy T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền: 1.280.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) về khoản nợ trong việc góp vốn làm ăn năm 2022 - 2023 chưa thanh toán. Về tiền lãi: Miễn xét vì bà C không yêu cầu.

- Bác yêu cầu bà Nguyễn Thị C đòi buộc bà Trần Thị B, ông Phan T2 (cha mẹ bà Đ), chị Phan Thị Mỹ Đ1 (em gái bà Đ) phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả khoản nợ 1.280.000.000đ nói trên vì không phù hợp với quy định của pháp luật

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho bà C số tiền 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0003360 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

- Bà Phan Thị Mỹ Đ, ông Nguyễn Phan Huy T phải chịu án phí với số tiền là: 50.400.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam